

Số: 2105/2021/BC - AAA

Hải Dương, ngày 21 tháng 05 năm 2021

**BÁO CÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ  
ĐỢT CHÀO BÁN**

*(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 28/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng  
khoán Nhà nước cấp ngày 22/03/2021)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

1. Tên tổ chức phát hành (*đầy đủ*): Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
2. Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN11-CN12, cụm Công Nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
3. Điện thoại: 02203 755 998 Fax: 02203 755 113 Website: [www.anphatbioplastics.com](http://www.anphatbioplastics.com)
4. Vốn điều lệ: 2.217.599.740.000 đồng.
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*): AAA
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương Số hiệu tài khoản: 46010000039797
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007, cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 05/11/2020.
  - a. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất sản phẩm nhựa (PE,PP). Mã ngành: 2220
  - b. Sản phẩm/dịch vụ chính: Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì.
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*): Không

**II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH**

1. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh
2. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành: 75.000.000 cổ phiếu
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động: 1.067.717.254.448 đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án: 0 đồng.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: Ngày 20/05/2021

**III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH**

1. Phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành:
  - 1.1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu;....)	778.200.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động.	271.800.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.050.000.000.000</b>

1.2. Phương án sử dụng vốn chi tiết do Hội đồng quản trị thông qua:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, nợ trái phiếu,...)	<b>778.200.000.000</b>	Quý III – Quý IV/2021
	<b>Trả nợ vay trung hạn, nợ trái phiếu</b>		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>76.000.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>6.000.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>10.800.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ trái phiếu phát hành năm 2018</i>	<i>400.000.000.000</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở Giao dịch</i>	<i>7.605.781.976</i>	<i>Quý III – Quý IV/2021</i>
	<i>Trả nợ trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>Quý III/ 2021</i>
	<b>Trả nợ vay ngắn hạn</b>		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>144.914.572.108</i>	<i>Quý III/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>7.479.127.809</i>	<i>Quý III/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>18.530.901.445</i>	<i>Quý II/2021</i>
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Sinopac – chi nhánh Hồ Chí</i>	<i>56.869.616.662</i>	<i>Quý III/2021</i>

	<i>Minh.</i>		
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; dịch vụ vận tải,...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp cho người lao động.	271.800.000.000	Quý III/2021
	<i>Mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu, dịch vụ vận tải,.....)</i>	221.800.000.000	Quý III – Quý IV/2021
	<i>Thanh toán lương, thưởng và các khoản phụ cấp cho người lao động</i>	50.000.000.000	Quý III – Quý IV/2021
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.050.000.000.000</b>	

2. Phương án thay đổi:

2.1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu;....)	778.200.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ dụng cụ, điện, nước, dịch vụ vận tải,...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động.	271.800.000.000
3	Trả các khoản lãi vay	17.328.154.488
4	Thanh toán các khoản chi phí liên quan tới đợt phát hành (phí cấp phép chào bán; phí CBTT, phí tư vấn; phí đấu giá, phí kiểm toán vốn chủ sở hữu, và các chi phí khác liên quan (nếu có))	389.100.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.067.717.254.488</b>

2.2. Phương án sử dụng vốn chi tiết do Hội đồng quản trị thông qua:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời hạn
-----	----------------------	----------------	----------

			<b>thực hiện</b>
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, nợ trái phiếu,...)	<b>778.200.000.000</b>	Quý II – Quý III/2021
	<b>Trả nợ vay trung hạn, nợ trái phiếu</b>		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>76.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>6.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>10.800.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ trái phiếu phát hành năm 2018</i>	<i>400.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở Giao dịch</i>	<i>7.605.781.976</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>50.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<b>Trả nợ vay ngắn hạn</b>		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>144.914.572.108</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>7.479.127.809</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>18.530.901.445</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Sinopac – chi nhánh Hồ Chí Minh.</i>	<i>56.869.616.662</i>	Quý II – Quý III/2021
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ dụng cụ, điện, nước, dịch vụ vận tải,...); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động.	<b>271.800.000.000</b>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ dụng cụ, điện, nước, dịch vụ vận tải,...)</i>	<b>221.800.000.000</b>	Quý II – Quý III/2021



	<i>Thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động</i>	<b>50.000.000.000</b>	Quý II – Quý III/2021
3	Trả các khoản lãi vay	17.328.154.488	Quý II – Quý III/2021
4	Thanh toán các khoản chi phí liên quan tới đợt phát hành (phí cấp phép chào bán; phí CBTT, phí tư vấn; phí đấu giá, phí kiểm toán vốn chủ sở hữu, và các chi phí khác liên quan (nếu có))	389.100.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.067.717.254.488</b>	

3. Lý do thay đổi (nếu có): Do giá đấu thành công bình quân là 14.236 đồng/cổ phần, cao hơn giá khởi điểm ban đầu là 14.000 đồng/cổ phần nên số tiền thu được từ đợt chào bán thực tế cao hơn số dự kiến ban đầu; đồng thời công ty có điều chỉnh một số khoản mục vốn lưu động chi tiết.

4. Căn cứ thay đổi: Nghị quyết Hội đồng quản trị số 210501/2021/NQ - HĐQT

5. Phương án thay đổi được công bố thông tin tại: [www.anphatbioplastics.com](http://www.anphatbioplastics.com) ngày 24 tháng 05 năm 2021.


  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**PHẠM ÁNH DƯƠNG**


  
**TÀI XANH**

Số: 210501/2021/NQ-HĐQT

Hải Dương, ngày 21 tháng 05 năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

V/v: thông qua việc bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2021

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021 số 050201/2021/NQ – ĐHĐCĐ ngày 05/02/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp số 2105/2021/BB – HĐQT ngày 21/05/2021 của Hội đồng quản trị,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua việc bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2021:**

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng; nợ trái phiếu;....)	778.200.000.000
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ dụng cụ, điện, nước, dịch vụ vận tải,....); thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động.	271.800.000.000
3	Trả các khoản lãi vay	17.328.154.488
4	Thanh toán các khoản chi phí liên quan tới đợt phát hành (phí cấp phép chào bán; phí CBTT, phí tư vấn; phí đấu giá, phí kiểm toán vốn chủ sở hữu, và các chi phí khác liên quan	389.100.000

	(nếu có)	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.067.717.254.488</b>

2. Phương án sử dụng vốn chi tiết do Hội đồng quản trị thông qua:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay ngắn hạn, dài hạn đến hạn trả (nợ vay ngân hàng, vay các tổ chức tín dụng, nợ trái phiếu,...)	<b>778.200.000.000</b>	Quý II – Quý III/2021
	<b>Trả nợ vay trung hạn, nợ trái phiếu</b>		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>76.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>6.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>10.800.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ trái phiếu phát hành năm 2018</i>	<i>400.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở Giao dịch</i>	<i>7.605.781.976</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>50.000.000.000</i>	Quý II – Quý III/2021
	<b>Trả nợ vay ngắn hạn</b>		
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	<i>144.914.572.108</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	<i>7.479.127.809</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>18.530.901.445</i>	Quý II – Quý III/2021
	<i>Trả nợ cho Ngân hàng Sinopac – chi nhánh Hồ Chí Minh.</i>	<i>56.869.616.662</i>	Quý II – Quý III/2021
2	Bổ sung vốn lưu động: Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ dụng cụ, điện, nước, dịch vụ vận tải,...); thanh toán lương, lương khuyến khích và	<b>271.800.000.000</b>	Quý II – Quý III/2021



	các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động.		
	Mua hàng hóa nguyên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, tiền điện, nước và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hạt nhựa các loại, phụ gia, hạt màu; vật tư, công cụ dụng cụ, điện, nước, dịch vụ vận tải,...)	221.800.000.000	Quý II – Quý III/2021
	Thanh toán lương, lương khuyến khích và các khoản phụ cấp, bảo hiểm cho người lao động	50.000.000.000	Quý II – Quý III/2021
3	Trả các khoản lãi vay	17.328.154.488	Quý II – Quý III/2021
4	Thanh toán các khoản chi phí liên quan tới đợt phát hành (phí cấp phép chào bán; phí CBTT, phí tư vấn; phí đấu giá, phí kiểm toán vốn chủ sở hữu, và các chi phí khác liên quan (nếu có))	389.100.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.067.717.254.488</b>	

3. Lý do thay đổi (nếu có): Do giá đấu thành công bình quân là 14.236 đồng/cổ phần, cao hơn giá khởi điểm ban đầu là 14.000 đồng/cổ phần nên số tiền thu được từ đợt chào bán thực tế cao hơn số dự kiến ban đầu; đồng thời công ty có điều chỉnh một số khoản mục vốn lưu động chi tiết.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị và các phòng ban và cá nhân liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Các TV HĐQT, BĐH;
- Trưởng BKS;
- Lưu VT HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**PHẠM ÁNH DƯƠNG**

